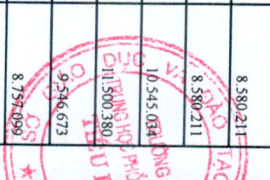


BẢNG TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

THÁNG 7 / 2024

Ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ TC

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Dạy môn, tổ	Mã ngạch	Nữ	Đã viên	Ngày tuyển dụng chính thức (Kết tập sự)	Ngày thăng nâng lương gần nhất	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN nghề	Tỷ lệ PCV K	Chức vụ	Trách nhiệm	PCƯĐ	Phụ cấp				Thu hút	Tổng công lương & phụ cấp	Nghỉ việc khg lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Tư lương	Tổng số tiền được nhận sau khi trừ tiền Vay
																	PC TN nghề	Vượt khung	Đảng đoàn	Thu hút							
1	42032150296419	Bùi Cao Văn	HT	T	V.07.05.15		CUU	02/09/2001	01/12/2022	9	4,98	22%	0%	0,70		1,70	1,25	-	0,30	-	16.080.480	1.184.962	14.895.518	14.895.518			
2	4203215005736	Nguyễn Tấn Lương	HP	T	V.07.05.14		CUU	01/11/1999	01/11/2021	4	5,02	24%	0%	0,55		1,67	1,34	-	0,30	-	15.980.040	1.305.385	14.674.655	14.674.655			
3	4203215045146	Nguyễn Việt Trung	HP	Si	V.07.05.14		X	01/10/2002	01/10/2022	3	4,68	21%	0%	0,55		1,57	1,10	-	-	-	14.215.140	1.196.049	13.019.091	13.019.091			
4	4203215040720	Lê Văn Đức	TP	A	V.07.05.15			07/09/1999	01/06/2022	9	4,98	24%	0%	0,15		1,54	1,23	-	-	-	14.220.360	1.202.267	13.018.093	13.018.093			
5	4203215030292	Liên Thị Thu	TT	A	V.07.05.15			05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	22%	0%	0,25		1,47	1,08	-	-	-	13.406.400	1.129.842	12.276.558	12.276.558			
6	4203215029842	Phan Thị Tinh	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/11/1999	01/11/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447			
7	4203215040845	Võ Thị Thủy Nga	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/11/1999	01/02/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447			
8	4203215029518	Nguyễn Thị Dương	GV	A	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2022	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291			
9	4203215029553	Phạm Thị Bích Nga	GV	A	V.07.05.15	X		03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	12%	0%	-		1,10	0,44	-	-	-	9.354.960	774.749	8.580.211	8.580.211			
10	4203215029603	Nguyễn Thị Toàn	GV	A	V.07.05.15	X		03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	12%	0%	-		1,10	0,44	-	-	-	9.354.960	774.749	8.580.211	8.580.211			
11	4203215029792	Nguyễn Thị Vân	GV	A	V.07.05.15	X		01/06/2009	01/04/2023	7	4,32	18%	0%	-		1,30	0,78	-	-	-	11.508.480	963.446	10.545.034	10.545.034			
12	4203205149303	Nguyễn Hữu Phức	GV	A	V.07.05.15		X	01/04/2003	01/12/2023	8	4,65	20%	0%	-		1,40	0,93	-	-	-	12.555.000	1.054.620	11.500.380	11.500.380			
13	4203215037358	Hồ Trần Thị Bảo Châu	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/04/2009	01/04/2024	5	3,99	15%	0%	-		1,20	0,60	-	-	-	10.413.900	867.227	9.546.673	9.546.673			
14	4203215008019	Ngô Thị Lành	GV	A	V.07.05.15	X		03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	15%	0%	-		1,10	0,55	-	-	-	9.552.600	795.501	8.757.099	8.757.099			
15	4203215029807	Cao Thị Cúc	GV	A	V.07.05.15	X		01/01/2004	01/01/2022	7	4,32	20%	0%	-		1,30	0,86	-	-	-	11.664.000	979.776	10.684.224	10.684.224			
16	4203215029950	Trần Ngọc Nhỏ	GV	D	V.07.05.15		X	01/09/1995	01/03/2024	9	4,98	28%	6%	-		1,58	1,48	0,30	-	-	15.012.907	1.277.047	13.735.860	13.735.860			
17	4210205045117	Nguyễn Thị Thanh Cúc	GV	D	V.07.05.15	X		01/06/2016	01/06/2022	3	3,00	8%	0%	-		0,90	0,24	-	-	-	7.452.000	612.360	6.839.640	6.839.640			
18	4203215029497	Nguyễn Thị Thanh Cúc	GV	S	V.07.05.15	X		01/11/1999	01/11/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447			
19	4203215029770	Trương Thị Hương	TT	S	V.07.05.14	X		01/11/1999	01/05/2022	4	5,02	24%	0%	0,25		1,58	1,26	-	-	-	14.608.440	1.235.077	13.373.363	13.373.363			
20	4203215029400	Nguyễn Thị Thu Hà	GV	S	V.07.05.15	X		01/09/2000	01/12/2023	9	4,98	23%	0%	-		1,49	1,15	-	-	-	13.714.920	1.157.701	12.557.219	12.557.219			
21	4203215030313	Nguyễn Việt Quang	GV	S	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291			
22	4203215029734	Huyền Văn Chung	TP	S	V.07.05.15			15/09/2005	15/09/2023	7	4,32	18%	0%	0,15		1,34	0,80	-	-	-	11.908.080	996.899	10.911.181	3.625.000			
23	4203205202550	Nguyễn Thị Nga	GV	S	V.07.05.15	X		01/09/1999	01/03/2022	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447			
24	4203215030001	Thái Ngọc Đới	GV	H	V.07.05.15			15/09/1988	01/12/2023	9	4,98	35%	16%	0,10		1,73	2,02	0,80	-	-	17.337.096	1.473.951	15.863.145	15.863.145			
25	4203215029395	Nguyễn Văn Phú	TT	H	V.07.05.15		X	01/11/1999	01/11/2022	9	4,98	23%	0%	0,25		1,57	1,20	-	-	-	14.403.420	1.215.818	13.187.602	13.187.602			
26	4203215029439	Phan Thị Phú	GV	H	V.07.05.14	X		05/10/2002	05/10/2023	3	4,68	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.720.240	1.070.269	11.649.971	11.649.971			
27	4203215029649	Nguyễn Tiên Vinh	GV	H	V.07.05.15			01/09/2002	01/06/2022	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291			



TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tuyển dụng (hết tập sự)	Ngày tháng năm lương gần nhất	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN K	Ti lệ PCV TN K	Phụ cấp						Nghỉ việc khg hưởng lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trừ lương	Tổng số tiền được nhân sau khi trừ tiền vay
									Chức vụ	Trách nhiệm	PCĐ	PC TN nghề	Vượt khung	Dang đoàn					
28	4203215003181	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	GV	01/09/2008	01/01/2023	6	3,99	15%	0%	-	-	1,20	0,60	-	-	10.413.900	867.227	9.546.673	9.546.673
29	4203215045123	Nguyễn Đức Hiền	GV	05/09/2001	01/12/2023	8	4,65	20%	0%	-	-	1,40	0,93	-	-	12.555.000	1.054.620	11.500.380	11.500.380
30	4203215029705	Hồ Thị Hoài Hương	TP	05/10/2002	05/04/2023	8	4,65	21%	0%	0,15	-	1,44	1,01	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688	11.948.688
31	4203215031208	Mai Thị Trúc Hà	GV	03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	12%	0%	-	-	1,10	0,44	-	-	9.354.960	774.749	8.580.211	8.580.211
32	4203215029865	Hồ Thị Thu Thủy	GV	01/11/1999	01/11/2023	4	5,02	24%	0%	-	-	1,51	1,20	-	-	13.915.440	1.176.487	12.738.953	12.738.953
33	4203215030336	Đinh Văn Tú	TT	15/09/2005	15/12/2022	7	4,32	18%	0%	0,25	0,30	1,37	0,82	-	-	12.714.480	1.019.201	11.695.279	11.695.279
34	4203215030394	Trương Minh Hà	GV	15/09/2005	15/09/2023	7	4,32	18%	0%	-	-	1,30	0,78	-	-	11.508.480	963.446	10.545.034	10.545.034
35	4203215007290	Nguyễn Thông	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291
36	4203215021892	Hoàng Thị Kim Thi	GV	01/11/2008	01/02/2023	6	3,99	15%	0%	-	-	1,20	0,60	-	-	10.413.900	867.227	9.546.673	9.546.673
37	4203205502839	Nguyễn Thùy Diệu Anh	GV	01/01/2013	01/03/2023	1	2,34	0%	0%	-	-	0,70	-	-	-	5.475.600	442.260	5.033.340	5.033.340
38	4203215059554	Đỗ Quốc Thiên Trang	PBTD	01/09/2009	00/01/1900	2	2,67	0%	0%	-	-	0,80	-	-	-	6.697.800	504.630	6.193.170	6.193.170
39	4203215030024	Vân Thị Bé	GV	01/11/1999	01/05/2023	9	4,98	24%	0%	-	-	1,49	1,20	-	-	13.804.560	1.167.113	12.637.447	12.637.447
40	4203215029915	Phan Thị May	TP	01/11/1999	01/05/2022	4	5,02	24%	0%	0,15	-	1,55	1,24	-	-	14.331.240	1.211.641	13.119.599	13.119.599
41	4203215029921	Trương Thị Hồng Minh	GV	01/09/2000	01/12/2023	9	4,98	23%	0%	-	-	1,49	1,15	-	-	13.714.920	1.157.701	12.557.219	12.557.219
42	4203215029871	Trần Thị Thu Thảo	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291
43	4203215047930	Đoàn Thị Kim Hoa	GV	01/01/2013	01/07/2024	5	3,66	11%	0%	-	-	1,10	0,40	-	-	9.289.080	767.831	8.521.249	8.521.249
44	4203215029389	Nguyễn Ngọc Đình	GV	01/05/2010	01/02/2024	6	3,99	14%	0%	-	-	1,20	0,56	-	-	10.342.080	859.685	9.482.395	9.482.395
45	4203215030018	Phan Châu Niêm	TT	01/01/1993	01/01/2024	9	4,98	30%	10%	0,25	0,50	1,72	1,72	-	-	16.496.640	1.407.370	15.089.270	15.089.270
46	4203215029967	Hồ Xuân Sơn	TP	05/10/2002	05/01/2023	8	4,65	21%	0%	0,15	-	1,44	1,01	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688	11.948.688
47	4203215030359	Vương Chi Sĩ	GV	01/09/2000	01/03/2024	9	4,98	23%	0%	-	-	1,49	1,15	-	-	14.254.920	1.157.701	13.097.219	13.097.219
48	4203215030444	Nguyễn Tuy	GV	05/10/2002	05/04/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291
49	4203215057696	Phan Thị Lê Mỹ	GV	01/03/2011	01/06/2022	5	3,66	13%	0%	-	-	1,10	0,48	-	-	9.420.840	781.666	8.639.174	8.639.174
50	4203215029690	Nguyễn Phúc Hương	TT	22/02/1993	01/02/2024	9	4,98	31%	12%	0,25	0,60	1,75	1,81	-	-	16.888.385	1.442.855	15.445.530	15.445.530
51	4203215030060	Lê Văn Hiền	GV	01/09/1995	01/09/2022	9	4,98	28%	0%	-	-	1,49	1,39	-	-	14.163.120	1.204.762	12.958.358	12.958.358
52	4203215029626	Phan Văn Nghĩa	TP	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	0,15	-	1,44	1,01	-	-	13.046.400	1.097.712	11.948.688	11.948.688
53	4203215029451	Đoàn Thị Phương	GV	05/10/2002	05/04/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291
54	4203215029711	Trần Thị Ngọc Phương	GV	15/09/2005	15/03/2023	7	4,32	18%	0%	-	-	1,30	0,78	-	-	11.508.480	963.446	10.545.034	10.545.034
55	4203215029501	Đỗ Thị Thuần	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	1.063.409	11.575.291	11.575.291
56	4203215032115	Đương Thị Như Trang	GV	01/08/2008	01/08/2023	6	3,99	15%	0%	-	-	1,20	0,60	-	0,30	10.953.900	867.227	10.086.673	10.086.673

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Dạy môn, tổ	Mã ngạch	Nữ	Đang viên	Ngày tuyển dụng chính thức (thể tập sự)	Ngày tháng nâng lương gần nhất	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN K	Tỷ lệ PCV K	Chức vụ	Trách nhiệm	Phụ cấp				Tổng công lương & phụ cấp	Nghỉ việc không hưởng lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trừ lương					
																PCƯĐ	PC TN nghề	Vượt khung	Đảng đoàn					Thu hút	Trả tiền vay NH	Tổng số tiền được nhận sau khi trừ tiền vay			
57	4203215030365	Lê Hồng Sa	GV	T	V.07.05.15	X		01/05/2010	01/08/2021	5	3,66	14%	0%	-	1,10	0,51	-	-	9.486.720	-	788.584	8.698.136	8.698.136						
58	4203205263322	Nguyễn Thị Thanh	PB/TD	T	V.07.05.15	X	X	16/07/2018	16/07/2021	2	2,67	5%	0%	-	0,25	0,13	-	-	6.938.100	-	529.862	6.408.238	6.408.238						
59	4203205023219	Phạm Thị Thanh Vân	GV	Ti	V.07.05.15	X	X	01/05/2010	01/08/2021	5	3,66	14%	0%	-	1,10	0,51	-	-	9.486.720	-	788.584	8.698.136	8.698.136						
60	4203215029372	Nguyễn Xuân Tình	GV	Ti	V.07.05.15			03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	12%	0%	-	1,10	0,44	-	-	9.354.960	-	774.749	8.580.211	8.580.211						
61	4203215059793	Dương Hồng Hải	TP	Ti	V.07.05.15			15/09/2011	15/09/2023	5	3,66	12%	0%	0,15	1,14	0,46	-	-	9.738.360	-	806.501	8.931.859	8.931.859						
62	4203215029610	Nguyễn Thị Xuân Đào	GV	V	V.07.05.15	X		01/11/2002	01/11/2023	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291						
63	4203215030409	Trần Thị Phương Duyên	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291						
64	4203215029820	Dương Thị Ngọc Hà	TT	V	V.07.05.15	X	X	05/10/2002	05/01/2022	8	4,65	21%	0%	0,25	1,47	1,03	-	-	13.318.200	-	1.120.581	12.197.619	12.197.619						
65	4203215029786	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	GV	V	V.07.05.15	X		01/11/1999	01/11/2020	9	4,98	24%	0%	-	1,49	1,20	-	-	13.804.560	-	1.167.113	12.637.447	12.637.447						
66	4203215029560	Phạm Thị Sen	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2020	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291						
67	4203215034191	Phạm Thị Xuân Hiếu	GV	V	V.07.05.15	X		01/09/2006	01/05/2024	7	4,32	18%	0%	-	1,30	0,78	-	-	11.508.480	-	963.446	10.545.034	10.545.034						
68	4203215042233	Bùi Quốc Công	TP	V	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/07/2022	8	4,65	21%	0%	0,15	1,44	1,01	-	-	13.046.400	-	1.097.712	11.948.688	11.948.688						
69	4203215030076	Châu Thị Hiền	GV	V	V.07.05.15	X	X	04/09/2001	01/03/2022	8	4,65	22%	0%	-	1,40	1,07	-	-	12.806.100	-	1.080.986	11.725.114	11.725.114						
70	4203215029678	Nguyễn Thị Ngọc Phạm	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	1,40	0,98	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291						
71	4203205044730	Dương Quốc Huy	TT&PT/VP	VP	06.031		X	03/04/2008	01/05/2023	6	3,99	0%	0%	0,25	0,10	-	-	-	7.812.000	-	801.360	7.010.640	7.010.640						
72	4203215034314	Lê Thị Linh	NV	VP	02.008	X		01/03/2022	01/09/2022	2	2,06	0%	0%	-	-	-	-	-	3.708.000	-	389.340	3.318.660	3.318.660						
73	4200215023936	Trần Thị Bích Thảo	NVTV/VP	VP	V.10.02.06	X		01/03/2022	01/04/2023	5	3,66	0%	0%	-	0,20	-	-	-	6.948.000	-	691.740	6.256.260	6.256.260						
74	4203215057020	Nguyễn Hồ Công Huy	TP	VP	V.11.06.14		X	01/03/2022	01/03/2023	1	2,34	0%	0%	0,15	-	-	-	-	4.482.000	-	470.610	4.011.390	4.011.390						
75	4203215030342	Lê Đức Nhà	NV	VP/8	0			01/01/2003	01/11/2023	11	3,30	0%	0%	-	-	-	-	-	5.940.000	-	623.700	5.316.300	5.316.300						
76	4203205292501	Nguyễn Thanh Tuấn	NV	VP/8	0			01/11/2023	01/11/2023	6	2,40	0%	0%	-	-	-	-	-	4.320.000	-	453.600	3.866.400	3.866.400						
77	4203215034973	Mai Thị Cẩm Lai	NV	VP/8	0	X		01/11/2023	01/11/2023	7	2,56	0%	0%	-	-	-	-	-	4.608.000	-	483.840	4.124.160	4.124.160						
Tổng cộng: 77 người											45	26	329,5		5.150	0,90	94,85	64,22	2,19	1,50	-	897.009.588	-	75.681.344	821.328.244	3.625.000	817.703.244		
TC biên chế là: 74 người													321,3	-	5.150	0,90	94,85	64,22	2,19	1,50	-	882.141.588	-	74.120.204	808.021.384	3.625.000	804.396.384		
TC HP/8 và TC/BC: 3 người													8,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.868.000	-	1.561.140	13.306.860	-	13.306.860

Số tiền bằng chữ: Tám trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng chẵn.

Kế toán trưởng

Dương Quốc Huy

Tháng Bình, ngày 5 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Cao Văn

